| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/01/2024
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa*: Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **TRẦN VĂN NHU**
2. Bà **LÊ THỊ LAN**
- *Thư ký phiên Tòa:* Ông **HỨA QUỐC THÁI** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 644/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp *"xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh **VÕ VĂN V,** sinh năm 1983
Địa chỉ: ấp MHC, xã MĐĐ, huyện CB, tỉnh TG
**Bị đơn:* Chị **HUỲNH THỊ H,** sinh năm 1983
Địa chỉ: ấp MHC, xã MĐĐ, huyện CB, tỉnh TG.
(Anh V và chị H vắng mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và các văn bản ý kiến trình bày tại Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, phía nguyên đơn anh Võ Văn V trình bày:

Anh và chị H xác lập quan hệ vợ chồng năm 2011, có đăng ký kết hôn, sau khi cưới về sống hạnh phúc được đến tháng 10 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành nên đã ly thân nhau từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay. Nay anh xin ly hôn chị H

+ Về con chung : Có 01 con chung tên Võ Minh N, sinh ngày 23/11/2010, khi ly hôn anh đồng ý để chị H nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Huỳnh Thị H đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị không cung cấp ý kiến đối với vụ kiện.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***- Về tố tụng:***

Anh Võ Văn V có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt, căn cứ điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Chị Huỳnh Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị vắng mặt không lý do, căn cứ điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị là phù hợp theo quy định của pháp luật.

***- Về nội dung:***

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị H xác lập quan hệ vợ chồng năm 2011, có đăng ký kết hôn, sau khi cưới về sống hạnh phúc được đến tháng 10 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh V là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành nên đã ly thân nhau từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay. Nay anh V xác định không còn tình cảm với chị H nên anh cương quyết xin ly hôn chị H. Còn chị H vắng mặt không lý do, mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần thông báo về việc anh V xin ly hôn, chị H biết rõ sự việc nhưng chị không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện, chứng tỏ chị không còn quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng giữa chị và anh V, đồng thời xem như chị tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và ích lợi hợp pháp của mình. Nhận thấy tình cảm của anh, chị đã thật sự tan vỡ, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài và ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay nhưng không hàn gắn đoàn tụ lại được. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh V là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh, cho anh V được ly hôn chị H là phù hợp theo điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Võ Minh N, sinh ngày 23/11/2010. Khi ly hôn anh V đồng ý để chị H nuôi con chung do con chung đã sống với chị ổn định từ khi anh, chị ly thân. Xét thấy từ khi ly thân con chung do chị H nuôi dưỡng đã ổn định và chị chăm sóc con chung phát triển tốt. Mặc khác qua tham khảo ý kiến của cháu Võ Minh N cũng mong muốn sống với mẹ. Do vậy, hội đồng xét xử xét thấy để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của con chung và ổn định cuộc sống của cháu nên tiếp tục giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành (tròn 18 tuổi), nhận thấy đây là sự tự nguyện của anh V, phù hợp theo quy định pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Anh V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 và điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

***Xử***:

1/ ***Về quan hệ hôn nhân***:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Văn V.

Cho anh Võ Văn V được ly hôn chị Huỳnh Thị H.

2/ ***Về con chung:***

Tiếp tục giao con chung cháu Võ Minh N, sinh ngày 23/11/2010 cho chị H nuôi dưỡng.

Anh Võ Văn V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Huỳnh Thị H mỗi tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành tròn 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Võ Văn V được quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh V chậm thi hành đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì anh phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức quy định tại điều 357 và khoản 2 điều 468 của bộ luật dân sự tương ứng thời gian chậm thi hành án.

3/ ***Về án phí***:

Anh Võ Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0013161 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên anh phải nộp tiếp 300.000 đồng.

***Về quyền kháng cáo:*** Anh V và chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi Tòa án tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận***:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện Cái Bè;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *UBND xã nơi ĐKKH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN TRUNG TÍNH**